

Số:15/2025/QĐST-DS

Gia Lâm, ngày 23 tháng 01 năm 2025.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1951

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện G, Hà Nội.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Đăng H1, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện G, Hà Nội

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoan:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện D, Hà Nội.

*** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Y, huyện G, Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội.

3. Chị Hoàng Thị H3, sinh năm 1971 (con bà Nguyễn Thị L).

4. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1975 (con bà Nguyễn Thị L).

5. Anh Hoàng Thị P, sinh năm 1981 (con bà Nguyễn Thị L).

6. Anh Giáp Quang V (chồng chị Hoàng Thị N1. Chị N1 là con bà Nguyễn Thị L);

7. Chị Giáp Thu P1, sinh năm 2000 (con chị N1);

8. Chị Giáp Thị V1, sinh năm 2005 (con chị N1).

Cùng nơi cư trú tại: Thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị H3, anh P, anh V, chị P1 và chị V1 ủy quyền cho anh Hoàng Văn N).

9. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957.

10. Anh Nguyễn Quang N1, sinh năm 1990.

11. Chị Ngô Thị Thu H4, sinh năm 1997.

12. Cháu Nguyễn Đăng D, sinh năm 2016.

13. Cháu Nguyễn Đăng N2, sinh năm 2019.

(Cháu D, cháu N2 do chị H4 và anh N1 làm đại diện).

14. Anh Nguyễn Đăng T2, sinh năm 1991.

Cùng nơi cư trú tại: Thôn T, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. (Bà C, anh N1, chị H4 và anh T2 ủy quyền cho ông H).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Đăng C1, sinh năm 1916, chết năm 1986 và cụ Nguyễn Thị G, sinh năm 1921, chết 1960 sinh ra được 05 người con gồm:

2.1.1. Bà Nguyễn Thị L, Sinh năm 1946, chết năm 2023; có chồng là anh Hoàng Văn N3, sinh năm 1932, chết năm 2018. Bà L và ông N3 có 04 người con:

- Chị Hoàng Thị H3, sinh năm 1971.

- Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1973 chết năm 2017, có chồng là anh Giáp Quang V và có 2 người con: chị Giáp Thu P1, sinh năm 2000 và chị Giáp Thị V1, sinh năm 2005.

- Chị Hoàng Văn N, sinh năm 1975.
- Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1981;
- 2.1.2. Ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1951.
- 2.1.3. Ông Nguyễn Đăng H1, sinh năm 1954.
- 2.1.4. Bà Nguyễn Thị H2, Sinh năm 1957;
- 2.1.5. Bà Nguyễn Thị T1, Sinh năm 1960;

Ngoài 5 người con trên, cụ C1 và cụ G không có con riêng, con nuôi nào khác. Các cụ thân sinh ra cụ Nguyễn Đăng C1 và cụ Nguyễn Thị G đã chết từ rất lâu, không ai còn sống.

2.2. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 218,2 m² (đo thực tế là 217,8 m²) địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội là tài sản của Cụ Nguyễn Đăng C1 và cụ Nguyễn Thị G để lại. Đã được Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện G cấp giấy xác nhận đăng ký đất đai số 2966/GXN-VPĐKĐĐGL ngày 29/3/2017 cho ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957.

2.3. Về sự thỏa thuận các đương sự về tài sản:

2.3.1. Ông Nguyễn Đăng H thanh toán cho ông Nguyễn Đăng H1 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

2.3.2. Giao toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 218,2 m² (đo thực tế là 217,8 m²), địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội và các tài sản gắn liền với đất cho gia đình ông Nguyễn Đăng H quản lý, sử dụng.

2.3.3. Kể từ ngày ông Nguyễn Đăng H1 nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) của ông Nguyễn Đăng H thì ông Nguyễn Đăng H1 không có quyền lợi gì đối với tài sản là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 218,2 m² (đo thực tế là 217,8 m²), địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội và các tài sản gắn liền với đất.

2.3.4. Xác nhận ngày 15/01/2025, ông Nguyễn Đăng H1 đã nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) từ ông Nguyễn Đăng H.

2.4. Ông Nguyễn Đăng H và bà Nguyễn Thị C có quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đăng H và bà Nguyễn Thị C đối với diện tích đất cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 218,2 m² (đo thực tế là 217,8 m²) tại thôn T, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội theo

quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Đăng H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đàm